

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/LĐ-PT

Ngày 09 - 5 - 2025

V/v tranh chấp về quyền và lợi
ích liên quan đến việc làm,
tiền lương

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Dũng

Các Thẩm phán: Ông Đinh Chí Tâm

Bà Phạm Thị Liên Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa
Ông Đỗ Trung Đến - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2025/TLPT-LĐ ngày 14 tháng 01 năm 2025 về việc: “Tranh chấp về quyền và lợi ích liên quan đến việc làm, tiền lương”.

Do bản án lao động sơ thẩm số: 01/2024/LĐ-ST ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 115/2025/QĐ-PT ngày 13 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Tấn Đ, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Đ: Anh Trần Tiến T, sinh năm 1996;
Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần Đ1 (gọi tắt là Công ty Đ1).

Địa chỉ trụ sở: Ấp F, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị Thu L, chức vụ: Tổng Giám đốc.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Lê Thị Thu L, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

3.2. Ông Lê Công H, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Khóm V, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang.

3.3. Ông Lý Văn T1, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp F, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

4. *Người kháng cáo:* Anh Trần Tấn Đ là nguyên đơn trong vụ án.

(Anh T có mặt; Công ty Cổ phần Đ1, bà L, ông H và ông T1 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Trần Tấn Đ do anh Trần Tiến T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Anh Đ làm việc tại Công ty Đ1 từ ngày 02/3/2023 đến ngày 30/6/2023, vị trí công việc Kỹ sư cầu đường, thử việc 01 tháng, kể từ ngày 02/3/2023 đến ngày 02/4/2023, mức lương thỏa thuận 7.000.000 đồng/tháng. Trong thời gian thử việc anh Đ đã chấp hành sự điều hành của Công ty Đ1 làm việc tại công trình xã P và P, huyện P, tỉnh Quảng Nam. Tuy nhiên, trong quá trình thử việc và đi làm anh Đ chỉ được Công ty Đ1 cho ứng trước 2.000.000 đồng.

Sau thời gian thử việc anh Đ được Công ty Đ1 đánh giá hoàn thành, yêu cầu tiếp tục làm việc với mức lương thỏa thuận 10.000.000 đồng/tháng. Lãnh đạo Công ty Đ1 cho biết ký hợp đồng lao động, còn hợp đồng như nào anh Đ vẫn chưa biết, chỉ bằng lời nói, không có văn bản.

Tháng 4/2023 vợ anh Đ đang mang thai và chuẩn bị sinh con, anh Đ xin phép Công ty Đ1 được nghỉ, những ngày nghỉ không hưởng lương, những ngày không nghỉ thì anh Đ đi làm, nhân viên Công ty Đ1 có bảng chấm công.

Anh Đ tiếp tục làm việc đến tháng 6/2023 thì các đồng nghiệp cho biết Công ty Đ1 đã nợ lương toàn bộ nhân viên từ tháng 02/2023 đến tháng 5/2023. Do cần tiền sinh hoạt và chăm sóc con anh Đ đã nghỉ việc vào cuối tháng 6/2023 và thông báo cho anh T2 phòng nhân sự biết.

Đề đòi lại quyền lợi của mình ngày 02/8/2023 anh Đ làm đơn gửi Phòng lao động Thương binh và Xã hội huyện T hòa giải, đến ngày 04/02/2024 Phòng lao động Thương binh và Xã hội huyện T trả lời Công ty Đ1 không còn hoạt động và đã hết thời hạn hòa giải theo quy định của pháp luật về lao động mà hòa giải viên lao động không tiến hành hòa giải. Công ty Đ1 nợ lương của anh Đ từ tháng 3, 4, 5, 6 năm 2023 với số tiền 23.077.000 đồng, cụ thể: Tháng 3/2023 là 5.000.000 đồng (đã trừ 2.000.000 đồng tạm ứng); Tháng 4/2023 là 3.462.000 đồng; Tháng 5/2023 là 8.846.000 đồng; Tháng 6/2023 là 5.769.000 đồng.

Nay anh Đ yêu cầu Công ty Đ1, bà L, ông H và ông T1 là các cổ đông cùng liên đới trả tiền lương còn nợ 23.077.000 đồng và tiền lãi chậm trả, từ tháng

7/2023 đến tháng 5/2024 là 11 tháng, lãi suất 10%/năm, cụ thể: 23.077.000 đồng x 11 tháng x 0,83%/tháng = 2.107.000 đồng, tổng cộng 25.184.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm anh Đ có đơn xin rút lại yêu cầu tiền lãi chậm trả 2.017.000 đồng.

- Bị đơn Công ty Cổ phần Đ1 (gọi tắt Công ty Đ1) trình bày:

Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, không có văn bản ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Thu L, ông Lê Công H và ông Lý Văn T1 trình bày:

Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, không có văn bản ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

Tại Quyết định bản án lao động sơ thẩm số: 01/2024/LĐ-ST ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười xét xử:

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu của anh Trần Tấn Đ.
2. Chấp nhận một phần yêu cầu của anh Trần Tấn Đ.
3. Buộc Công ty Cổ phần Đ1 trả cho anh Trần Tấn Đ tiền lương 23.077.000 đồng (Hai mươi ba triệu không trăm bảy mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền phải thi hành thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành xong.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty Cổ phần Đ1 phải chịu 1.154.000 đồng (Một triệu một trăm năm mươi bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/8/2024 anh Trần Tấn Đ kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số: 01/2024/LĐ-ST ngày 29/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm thu thập Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2022 và 2023 từ Cục thuế tỉnh Đồng Tháp, sửa bản án sơ thẩm buộc bà Lê Thị Thu L, ông Lê Công H và ông Lý Văn T1 cùng liên đới với Công ty Đ1 trả tiền lương còn nợ 23.077.000 đồng cho anh Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Anh Trần Tiến T là người đại diện theo ủy quyền của anh Trần Tấn Đ trình bày: Vẫn giữ kháng cáo, thống nhất số tiền Công ty Đ1 trả lương cho anh Đ 23.077.000 đồng, Công ty Đ2 vốn điều lệ 65.000.000.000 đồng, Công ty hoạt động được 6 tháng ngưng hoạt động không trả lương cho người lao động, khoản 1 Điều 113 Luật doanh nghiệp cổ đông góp vốn trong vòng 90 ngày, khoản 4

Điều 113 Luật doanh nghiệp cổ đông phải có nghĩa vụ góp vốn 65.000.000.000 đồng trong vòng 90 ngày, khoản 3 Điều 113 Luật doanh nghiệp góp vốn không đủ thì phải chịu trách nhiệm về việc góp vốn không đủ. Anh Đ có yêu cầu cung cấp báo cáo thuế, Cục thuế không cung cấp, bà L, ông H, ông T1 có nghĩa vụ thực hiện việc Công ty ngừng hoạt động, trường hợp không thu thập thêm, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của anh Đ, sửa bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Tấn Đ, giữ nguyên bản án lao động sơ thẩm số: 01/2024/LĐ-ST ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của anh Trần Tấn Đ nộp trong thời hạn luật định. Căn cứ Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai chỉ có anh T có mặt; Công ty Cổ phần Đ1, bà L, ông H, ông T1 vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo luật định.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của anh Trần Tấn Đ yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa một phần bản án sơ thẩm.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với anh Đ khởi kiện yêu cầu Công ty Đ1, bà L, ông H và ông T1 cùng liên đới trả tiền lương còn nợ 23.077.000 đồng. Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của anh T là người đại diện theo ủy quyền của anh Đ. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử buộc Công ty Đ1 trả tiền lương còn nợ 23.077.000 đồng cho anh Đ là có cơ sở.

Đối với anh Đ yêu cầu bà L, ông H và ông T1 liên đới với Công ty Đ1 trả tiền lương còn nợ 23.077.000 đồng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đ cấp. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Đ1, đăng ký lần đầu ngày 05/8/2022, đăng ký thay đổi lần thứ 1, ngày

29/3/2023. Người đại diện theo pháp luật ông Lý Văn T1, chức danh: Tổng Giám đốc.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đ cấp. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Đ1, đăng ký lần đầu ngày 05/8/2022, đăng ký thay đổi lần thứ 2, ngày 18/8/2023. Người đại diện theo pháp luật bà Lê Thị Thu L, chức danh: Tổng Giám đốc.

Tại Công văn số: 542/SKHĐT-ĐKKD ngày 06/3/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đ cung cấp thông tin: Phòng Đăng ký kinh doanh có cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần Đ1, đăng ký lần đầu ngày 05/8/2022, đăng ký thay đổi lần thứ 2 vào ngày 18/8/2023, người đại diện theo pháp luật bà Lê Thị Thu L, chức danh: Tổng Giám đốc. Công ty Cổ phần Đ1 vẫn còn tồn tại.

Tại Công văn số: 1269/SKHĐT-ĐKKD ngày 20/5/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đ cung cấp thông tin: Qua rà soát tại thời điểm ngày 16/5/2024, Công ty Cổ phần Đ1, mã số doanh nghiệp A vẫn không thay đổi.

Tại Công văn số: 406/UBND ngày 12/7/2024 của Ủy ban nhân dân xã T cung cấp thông tin: Trụ sở Công ty Cổ phần Đ1 có số quản lý nơi cư trú số 769/TX. Số quản lý nơi cư trú trên do ông Lý Văn T1 làm chủ hộ.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh T là người đại diện theo ủy quyền của anh Đ trình bày: Hợp đồng lao động giữa anh Đ và Công ty Đ1 không có nội dung khi Công ty không trả lương thì anh Đ không trả lương, tin nhắn Z không có nội dung này và Công ty Đ1 hiện còn tồn tại trên hệ thống. Ngoài ra, không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh Công ty Đ1 không hoạt động trách nhiệm cá nhân có liên quan thực hiện nghĩa vụ cho Công ty. Vì vậy, anh Đ yêu cầu bà L, ông H và ông T1 liên đới trả tiền lương là không có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh T là người đại diện theo ủy quyền của anh Đ không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của anh Đ là có căn cứ. Do đó, yêu cầu kháng cáo của anh Đ là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là có căn cứ, giữ nguyên bản án lao động sơ thẩm số: 01/2024/LĐ-ST ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười. Tuy nhiên, điều chỉnh cách tuyên án cho phù hợp.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp, không chấp nhận kháng cáo của anh Đ, giữ nguyên bản án lao động sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí lao động phúc thẩm: Do kháng cáo của anh Đ không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, anh Đ được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 và khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Trần Tấn Đ.
2. Giữ nguyên bản án lao động sơ thẩm số: 01/2024/LĐ-ST ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

2.1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Trần Tấn Đ.

2.2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Trần Tấn Đ.

2.3. Buộc Công ty Cổ phần Đ1 trả cho anh Trần Tấn Đ tiền lương 23.077.000 đồng (Hai mươi ba triệu không trăm bảy mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.4. Về án phí lao động sơ thẩm: Công ty Cổ phần Đ1 phải chịu 1.154.000 đồng (Một triệu một trăm năm mươi bốn nghìn đồng) án phí sơ thẩm.

3. Về án phí lao động phúc thẩm: Anh Trần Tấn Đ được miễn án phí lao động phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng TT, KT & THA TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Tháp Mười;
- Chi cục THADS huyện Tháp Mười;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Quốc).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Chí Dũng